

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 225/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2020

V/v ly hôn giữa

Ông C và bà S

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hòe.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Trần Văn Kiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức C, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ninh - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Minh Đức, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Bà Ninh có mặt; ông C, bà S vắng mặt có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29-7-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức C kết hôn với bà Nguyễn Thị S vào ngày 28-4-1981 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh (nay là UBND thị trấn TL) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống, do nghi ngờ bà S không chung thủy nên giữa ông C và bà S xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2007, ông C đã làm đơn xin ly hôn bà S nhưng vì đều là người theo đạo thiên chúa giáo, sợ vi phạm luật giáo hội nên ông C không nộp đơn. Năm 2008, ông C bỏ vào nam sinh sống; ông C, bà S ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đó cho đến nay.

Về con: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S sinh một người con là Phạm Thanh Huy, sinh ngày 19-01-1990. Do nghi ngờ bà S có quan hệ bất chính nên ông C đã xin giám định AND để xác định quan hệ huyết thống giữa ông C và anh Huy. Tuy nhiên, vì hiện nay anh Huy đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng, giữa ông C và anh Huy không xảy ra mâu thuẫn gì nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, con riêng.

Về tài sản: Giữa ông C và bà S không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên khi ly hôn ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 05,11 tháng 8 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị S có lời khai phù hợp với lời khai của ông Phạm Đức C về thời gian kết hôn. Theo bà S, từ khi kết hôn với ông C, cuộc sống chung giữa bà S và ông C đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông C không tu chí làm ăn, ham chơi và có quan hệ bất chính với nhiều người khác trong đó có cả người trong họ. Vì vậy, ngay từ khi bà S mang thai anh Huy là con được khoảng 7 tháng thì ông C đã bỏ vào nam sau đó chung sống như vợ chồng với người cháu dâu. Ông C và bà S ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay ông C làm đơn xin ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà S công nhận, trong thời kỳ hôn nhân, bà S có sinh được một người con là Phạm Thanh Huy, sinh ngày 19-01-1990. Do hiện nay anh Huy đã trưởng thành, lao động tự lập được, đã lập gia đình riêng nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con.

Về tài sản chung: Bà S xác nhận, giữa bà S và ông C không có tài sản chung. Ngôi nhà mà hiện bà S đang ở là tài sản riêng của bà S xây trên đất bố mẹ để ông C trong thời gian bà S và ông C ly thân. Trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông C có sử dụng một số tài sản riêng của bà S, có vay nợ của một số người sau đó bỏ vào nam bà S phải đứng ra trả nợ. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, số

tài sản không quá lớn, không muốn phiền hà đến những người có liên quan nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nghĩa vụ về tài sản đối với ông C.

Tại phiên tòa, ông C, bà S xin vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông C và bà S; không đề nghị giải quyết về con, tài sản chung cũng như nghĩa vụ về tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C, bà S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị S là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Thịnh (nay là UBND thị trấn TL), huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 28-4-1981. Quá trình chung sống, do ông C và bà S đều nghi ngờ nhau không chung thủy nên vợ chồng mâu thuẫn, ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ khoảng năm 1991 đến nay. Nay ông C, bà S đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, ông C xin được ly hôn, bà S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà S thì thấy: Quá trình chung sống, giữa ông C và S xảy ra mâu thuẫn ngay từ năm đầu sau khi kết hôn là sự việc có thật, được các đương sự thừa nhận. Bà S và ông C thực tế đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ khoảng năm 1991 đến nay, ông C bỏ vào nam sinh sống, bà S ở cùng với bố mẹ đẻ ông C cho đến nay. Xét cuộc sống chung giữa ông C, bà S đã chấm dứt được một thời gian dài, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S sinh được một người con là Phạm Thanh Huy, sinh ngày 19-01-1990. Do hiện nay anh Huy đã trưởng thành, lao động tự lập được, đã lập gia đình riêng; bà S, ông C đều không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Bà S và ông C đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Phạm Đức C thuộc diện người cao tuổi theo quy định của Chính Phủ, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Phạm Đức C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn TL;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn TL;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng**

**Trần Văn Kiêm**

**Ngô Thị Hòe**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn TL;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng**

**Trần Văn Kiêm**

**Ngô Thị Hòe**

